

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 11 - 2020

V/v: “Tranh chấp về thay đổi  
người trực tiếp nuôi con sau khi ly  
hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Danh Thanh Phát

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Chí Bền

2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị T, sinh năm: 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn Đ, sinh năm: 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2019 và quá trình giải quyết vụ án, chị Dương Thị T là nguyên đơn trình bày:*

Ngày 11/6/2018, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang ban hành quyết định số 126/2018/QĐST-HNGĐ, nội dung: Công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con giữa chị và anh Đ.

Tuy nhiên, sau khi ly hôn được hơn 01 tháng thì anh Đ đi làm thuê, không thường xuyên có mặt tại nơi cư trú; cháu Trần Hoàng Gia X, sinh ngày 25/8/2012 là con chung giữa chị và anh Đ do anh Trần Văn F (em ruột của anh Đ) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trong thời gian anh F nuôi dưỡng chị thường xuyên đến chăm sóc và xét thấy việc nuôi dưỡng của người chú đối với cháu không tốt như cha, mẹ. Đồng thời, cháu X có nguyện vọng muốn được ở với chị nên chị đã đem cháu về trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định, kể từ tháng 11/2019 cho đến nay và đã chuyển trường cho cháu đi học, khi chị đem cháu X về nuôi thì anh Đ biết nhưng không có ý kiến.

Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu X cho chị được quyền nuôi dưỡng, chị đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con và đảm bảo quyền thăm con cho anh Đ. Mặc dù, chị yêu cầu được quyền nuôi cháu X nhưng vẫn tôn trọng nguyện vọng của cháu tại phiên tòa muốn sống với cha hoặc mẹ.

*Anh Trần Văn Đ là bị đơn trình bày:*

Theo quyết định số 126/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thì anh được quyền nuôi cháu Trần Hoàng Gia X, sinh ngày 25/8/2012, chị T nuôi cháu Trần Ngọc Tường Y, sinh ngày 07/12/2013. Do đó, anh trực tiếp nuôi cháu X được khoảng 02 tháng thì đi làm thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh, anh giao cháu X cho em ruột của anh là Trần Văn F trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; hàng tháng anh đều gửi tiền về để anh F thay anh lo cho cháu và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt đối với cháu, thỉnh thoảng anh về nhà để thăm cháu.

Tuy nhiên, trong thời gian anh không có mặt tại nơi cư trú không biết lý do gì chị T lại đem cháu X về nuôi dưỡng chưa được sự đồng ý của anh; anh vẫn đồng ý để chị T nuôi dưỡng cháu X với điều kiện chị T không được khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay chị T đã khởi kiện đến Tòa án thì anh không đồng ý giao cháu X cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

*Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vẫn còn vi phạm về thời hạn xét xử theo Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị khắc phục.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét thấy, chị T đủ điều kiện nuôi cháu X và việc chăm sóc, nuôi dưỡng của chị T đối với cháu X đảm bảo sự phát triển về mọi mặt được Ban lãnh đạo ấp và Ủy ban nhân dân xã nơi chị T cư trú xác nhận. Tại phiên tòa, cháu X (trên 07 tuổi) có nguyện vọng ở với chị T. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị: Giao cháu X, sinh ngày 25/8/2012 cho chị T được quyền nuôi dưỡng; chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xét.

Về án phí: Đề nghị ghi nhận việc chị T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Chị Dương Thị T yêu cầu được nuôi cháu X sau khi ly hôn đối với anh Trần Văn Đ, đây là tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại khoản 3 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Đ là bị đơn cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2]. Về nội dung vụ án: Trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh Đ có hai người con chung là cháu Trần Hoàng Gia X, sinh ngày 25/8/2012 và cháu Trần Ngọc Tường Y, sinh ngày 07/12/2013. Theo quyết định số 126/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang thì anh Đ

được quyền nuôi cháu X, chị T được quyền nuôi cháu Y, anh Đ và chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị T về việc được quyền nuôi cháu X, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về việc trực tiếp nuôi cháu X sau khi ly hôn: Tại phiên tòa anh Đ thừa nhận sau khi ly hôn anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu X được khoảng 02 tháng thì đi làm thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh và không thường xuyên có mặt tại nơi cư trú, cháu X do anh Trần Văn F (em anh Đ) chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, sự thừa nhận của anh Đ hoàn toàn phù hợp với kết quả Tòa án xác minh ban lãnh đạo ấp nơi anh Đ cư trú. Điều này chứng minh việc chị T xác định anh Đ không có thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu X là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Tháng 11/2019, chị T đem cháu Tường về trực tiếp nuôi dưỡng có trình báo Ban lãnh đạo ấp A, xã C, huyện G; trong thời gian chị T nuôi dưỡng cháu X đảm bảo sự phát triển về mọi mặt và được Ban lãnh đạo ấp và Ủy ban nhân dân xã nơi chị T cư trú xác nhận. Tại phiên tòa anh Đ thừa nhận biết việc chị T đem cháu X về nuôi và xác định anh vẫn đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu X nhưng với điều kiện chị T không được khởi kiện. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của chị T là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật và cần được xem xét để đảm bảo sự phát triển tốt nhất về mọi mặt cho cháu X.

Về điều kiện nuôi con, quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ sau khi ly hôn: Chị T và anh Đ thừa nhận hai bên đều có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con; không gây khó khăn cho nhau trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con.

Mặt khác, cháu Trần Hoàng Gia X, sinh ngày 25/8/2012 (trên 07 tuổi), theo biên bản ghi nguyện vọng của cháu tại Tòa án ngày 19/6/2020 và tại phiên tòa có nguyện vọng được ở với mẹ là chị T. Do đó, chị T và anh Đ cần phải tôn trọng ý kiến của cháu và nguyện vọng của cháu X cần được Hội đồng xét xử xem xét theo khoản 3 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Từ những nhận định nêu trên cho thấy: Mặc dù, chị T và anh Đ đủ điều kiện nuôi con nhưng xét thấy việc chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu X tốt hơn so với anh Đ, nguyện vọng của cháu X muốn được ở với mẹ là chị T. Chị T yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con xuất phát từ việc nhằm đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho cháu X, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần. Căn cứ vào Điều

81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, giao cháu Trần Hoàng Gia X, sinh ngày 25/8/2012 cho chị T được quyền nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Anh Đ được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[3]. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Tuy nhiên, chị T tự nguyện nhận trách nhiệm nộp thay cho anh Đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003123 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang, chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị T về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với anh Trần Văn Đ. Giao cháu Trần Hoàng Gia X, sinh ngày 25/8/2012 cho chị T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Anh Đ có quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

2. Về án phí: Anh Trần Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, chị Dương Thị T tự nguyện nhận trách nhiệm nộp thay cho anh Đ. Do đó, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003123 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang, chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị T và anh Trần Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 12/11/2020.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS ND huyện G;
- THA huyện G;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Danh Thanh Phát**